

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

Bản án số: 92/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08 - 9 - 2023

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vân.

Ông Phan Văn Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Trung N, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Chị Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1991; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Trung N trình bày:

Anh và chị H chung sống năm 2008, đến ngày 26/5/2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01/2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chị H bỏ nhà đi đâu không rõ từ tháng 01/2023 đến nay. Chị H không điện thoại, không về nhà thăm con, anh có đến nhà cha mẹ chị H để hỏi tin tức của chị H nhưng cha mẹ chị H cũng không biết chị H sống ở đâu. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu ly hôn với chị H.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/7/2009 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 24/10/2013. Từ ngày chị H bỏ nhà đi, hai con sống với anh. Anh yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, anh làm ruộng, thu nhập mỗi tháng khoảng từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Về tài sản: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

Nợ chung: vợ chồng anh không có nợ chung.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị Phạm Thị Ngọc H đến để giải quyết vụ án nhưng chị Phạm Thị Ngọc H đều vắng mặt không rõ lý do cũng như không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung:

- + Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh N và chị H được ly hôn.

- + Về con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/7/2009 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 24/10/2013 cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con chung.

- + Về tài sản: Ghi nhận anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

- + Nợ chung: Ghi nhận anh N trình bày không có.
- + Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nghĩa là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; chị H là bị đơn, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, theo khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị H, yêu cầu giải quyết về con chung; chị H cư trú tại huyện C, tỉnh Tây Ninh. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Anh N và chị H chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H hợp pháp.

[3.2] Qua lời trình bày của anh N, xác nhận của Công an xã L, huyện C, tỉnh Tây Ninh (bút lục 31) và xác nhận của bà Lê Thị L là mẹ ruột của chị H (bút lục C) thấy rằng: Quá trình chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, anh N và chị H đã sống ly thân từ khoảng tháng 3 năm 2023 đến nay.

[3.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị H nhiều lần nhưng chị H vắng mặt không rõ lý do và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh N, chị H có cơ hội đoàn tụ. Như vậy, có căn cứ về việc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều

56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh N, cho anh N và chị H ly hôn.

[4] Về con chung: Anh N và chị H có 02 con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/7/2009 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 24/10/2013. Cháu A và cháu T có nguyện vọng sống với cha sau ly hôn. Anh N yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu xin được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên sau khi ly hôn là nguyện vọng chính đáng của cha mẹ nhưng khi giao con cho người trực tiếp nuôi phải căn cứ vào nguyện vọng của con chung nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, do đó giao con chung là Nguyễn Quốc A và Nguyễn Quốc T cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình; ghi nhận anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng cho con chung.

[5] Về tài sản: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn, chị H không có ý kiến nên ghi nhận ý kiến của anh N.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Anh Nghĩa là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng; chị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Trung N đối với chị Phạm Thị Ngọc H.

Anh Nguyễn Trung N được ly hôn với chị Phạm Thị Ngọc H.

2. Về con chung:

Anh Nguyễn Trung N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Quốc A, sinh ngày 09/7/2009 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 24/10/2013. Ghi nhận anh Nguyễn Trung N không yêu cầu chị Phạm Thị Ngọc H cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn, chị Phạm Thị Ngọc H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

Ghi nhận anh Nguyễn Trung N không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản khi ly hôn.

4. Về án phí:

Anh Nguyễn Trung N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu 0018558 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Trung N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV. TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Thanh Hằng